

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 248/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trần Minh P, sinh năm 1990, số căn cước công dân 048090005556 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 12/01/2022 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1989, số căn cước công dân 048189002445 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/12/2021; cùng cư trú tại: Số B A, tổ C, phường A, thành phố Đà Nẵng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị C kết hôn với nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 25/02/2010. Hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện, tuy nhiên trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thiếu quan tâm chia sẻ, thường xuyên cãi vã, xung đột, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, nhưng mâu thuẫn không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng không còn. Nay, ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị C cùng thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị C đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; hai bên đều tự nguyện ly hôn, nên việc công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần

Minh P và bà Nguyễn Thị C là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] *Về con chung*: Ông P và bà C xác định xác định có 03 con chung tên Trần Thị Minh T, sinh ngày 05/6/2010; Trần Minh Đ, sinh ngày 15/7/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 28/10/2016. Thuận tình ly hôn ông P và bà C thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Ông Trần Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Minh N, sinh ngày 05/6/2010; Trần Minh Đ, sinh ngày 15/7/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 28/10/2016 cho đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông P và bà C tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung*: Ông P và bà C xác định không có.

[4] *Về nợ chung*: Ông P và bà C xác định không có.

[5] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 21 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị C. Giấy chứng nhận kết hôn số 30 của Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường A, thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 25 tháng 02 năm 2010, không còn giá trị pháp lý.

- *Về con chung*: Ông Trần Minh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thị Minh N, sinh ngày 05/6/2010; Trần Minh Đ, sinh ngày 15/7/2014 và Trần Minh T1, sinh ngày 28/10/2016 cho đến khi lần lượt từng con đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị C mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Trần Minh P và bà Nguyễn Thị C đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo Biên lai thu số 0003730 ngày 15/10/2025

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- THADS TP Đà Nẵng;
- UBND phường An Hải, tp Đà Nẵng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ